

**BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
CHUYÊN NGÀNH: KHOAN THẨM DÒ - KHẢO SÁT**

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ				Tổ chức TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẬC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	161	LT	TH+TN	ĐA	TT	LV			CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018		162	
1	I.1	Kiến thức giáo dục đại cương	52								Kiến thức giáo dục đại cương		53	
		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	46								Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		47	
1	4020101	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1	2						LLCT	Nguyên lý CN	4020101	Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1	2	
2	4020102	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 2	3						LLCT	Nguyên lý CN	4020102	Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 2	3	
3	4020301	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3						LLCT	Đường lối CM	4020301	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3	
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2						LLCT	Tư tưởng HCM	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	4010601	Tiếng Anh 1	3						KHCB	Ngoại ngữ	4010601	Tiếng Anh 1	3	
6	4010602	Tiếng Anh 1	3						KHCB	Ngoại ngữ	4010602	Tiếng Anh 1	3	
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1						KHCB	GDTG	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1						KHCB	GDTG	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1						KHCB	GDTG	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1						KHCB	GDTG	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1						KHCB	GDTG	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	
12	4300101	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	1							GDQP	4300101	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	1	
13	4010101	Đại số	3						KHCB	Toán	4010101	Đại số	3	
14	4010102	Giải tích 1	4						KHCB	Toán	4010102	Giải tích 1	4	
15	4010103	Giải tích 2	3						KHCB	Toán	4010103	Giải tích 2	3	
16	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3						KHCB	Vật lý	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	
17	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3						KHCB	Vật lý	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	
18	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3						KHCB	Hóa	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3	
19	4080201	Tin học đại cương (dùng cho kỹ thuật)	3						CNTT	THCB				Chuyển sang phần Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn
20	4020103	Pháp luật đại cương	2						LLCT	Pháp luật	4020103	Pháp luật đại cương	2	
									KHCB	Hình họa	4010401	Hình học họa hình	2	Chuyển đến từ phần Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
									KHCB	Hình họa	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	Chuyển đến từ phần Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc

I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (c)	6											Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6				
21	4010106	Phương pháp tính	2										KHCB	Toán	4010106	Phương pháp tính	2	
22	4010105	Phương trình toán lý	3										KHCB	Toán	4010105	Phương trình toán lý	3	
23	4010110	Toán tối ưu	2										KHCB	Toán	4010110	Toán tối ưu	2	
24	4010112	Lý thuyết đồ thị	2										KHCB	Toán	4010112	Lý thuyết đồ thị	2	
25	4010105	Xác suất thống kê	2										KHCB	Toán	4010105	Xác suất thống kê	2	
													CNTT	THCB	4080201	Tin học đại cương (dùng cho Kỹ thuật)	3	Chuyển đến từ phần Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc
II	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	30												Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	30			
26	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2										Dầu khí và KTDG	KKT	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	
27	4040102	Địa chất cơ sở	2										KH và KTDG	Địa chất	4040102	Địa chất cơ sở	2	
28	4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	2										KH và KTDG	Địa chất				Chuyển sang phần Kiến thức bổ trợ chuyên ngành
29	4050526	Trắc địa phổ thông	2										TĐBĐ và Sai số					Bổ
30	4010401	Hình học họa hình	2										KHCB	Hình hoạ				Chuyển sang phần Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc
31	4010402	Vẽ kỹ thuật	2										KHCB	Hình hoạ				Chuyển sang phần Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc
32	4010501	Cơ học lý thuyết I	2										KHCB	Cơ lý thuyết	4010501	Cơ học lý thuyết I	2	
33	4030505	Sức bền vật liệu C	2										Mô Cứng	SBVL	4030505	Sức bền vật liệu C	2	
34	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2										Điện	KTC	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2	
35	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3										Điện	KT Điện ĐT	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3	
36	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2										Điện	KTC	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2	
37	4060101	Địa vật lý đại cương	2										Dầu khí và KTDG	ĐVL	4060142	Địa vật lý đại cương	2	
38	4090419	Công nghệ vật liệu	2										KH và KTDG	KTC	4090419	Công nghệ vật liệu	2	
39	4040114	Thực tập địa chất đại cương (cơ sở)	1										Địa chất và Sai số	Địa chất	4040114	Thực tập địa chất đại cương (cơ sở)	1	
40	4050527	Thực tập trắc địa phổ thông	1										TĐBĐ và Sai số					Bổ
41	4060143	Thực tập địa vật lý đại cương	1										Dầu khí và Sai số	ĐVL	4060143	Thực tập địa vật lý đại cương	1	
													KHCB	Hoá	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3	Chuyển đến từ phần Kiến thức bổ trợ chuyên ngành
													Cơ Điện	KTC	4090421	Nguyên lý máy	2	Chuyển đến từ phần Kiến thức bổ trợ chuyên ngành
													Dầu khí	KKT	4060401	Nguyên lý phá hủy	2	Chuyển đến từ phần Kiến thức bổ trợ chuyên ngành
													Dầu khí	KKT	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2	Bổ sung
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành	79												Kiến thức giáo dục chuyên ngành	65			
III.1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	49												Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc	49			
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	13												Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	14			
42	4040517	Thực tập địa chất công trình- Địa chất thủy văn	3										KH và KTDG	ĐCCT	4040517	Thực tập địa chất công trình- Địa chất thủy văn	3	

43	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3								KHCB	Hoa				Chuyển sang phần Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
44	4090421	Nguyên lý máy	2								Cơ Điện Cơ	KTKK				Chuyển sang phần Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
45	4090406	Cơ sở thiết kế máy	3								KHCB	KTKK				Bổ sung
46	4040212	Các PP tìm kiếm tham số và đánh giá nó	2								KTKK	KTKK	4040212		2	
											KHCB	KTKK	4040105		2	Chuyển đến từ phần Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
											KHCB	KTKK	4090541		3	Bổ sung
											KHCB	KTKK	4060427		2	
											KHCB	KTKK	4060122		2	Chuyển đến từ phần Kiến thức chuyên ngành
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành		23										Kiến thức chuyên ngành		34	Bổ sung
47	4060401	Nguyên lý phá hủy	2								Dầu khí	KTKK				Chuyển sang phần Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
48	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2								Dầu khí	KTKK				Chuyển sang phần Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa
49	4060416	Tiếng anh chuyên ngành	3								Dầu khí	KTKK	4060416		3	Chuyển sang phần Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa
50	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	2								Dầu khí	KTKK	4060417		2	
51	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2								Dầu khí	KTKK				Chuyển sang phần Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa
52	4060427	Thực tập giáo học khoan	2								Dầu khí	KTKK				Chuyển sang phần kiến thức bổ trợ chuyên ngành
53	4060406	Dùng tìm kiếm và xử lý	4								Dầu khí	KTKK	4060406		4	Chuyển sang phần kiến thức bổ trợ chuyên ngành
54	4060509	Thiết bị khoan thăm dò khảo sát	3								Dầu khí	KTKK	4060509		3	
55	4060528	Đồ án tốt nghiệp	1								Dầu khí	KTKK	4060528		1	Chuyển sang phần kiến thức bổ trợ chuyên ngành
56	4060409	Khảo sát hướng	2								Dầu khí	KTKK	4060409		2	
III.1.3	hướng chuyên sâu															Bổ hướng chuyên sâu
III.1.3	(Sinh viên chọn 1 trong 2 hướng chuyên sâu)		13													
III.1.3	khái thác nước ngầm		13													
57	4040638	Động lực học nước dưới đất	2								KHCB	KTKK	4040638		2	Bổ hướng chuyên sâu
58	4040621	Các PP Đưa ĐCTV và NC đ. thái, cân bằng nước ĐĐ	2								KHCB	KTKK	4040621		2	
59	4060424	Khảo sát và khai thác nước	3								KHCB	KTKK	4060424		3	Bổ hướng chuyên sâu
60	4060437	Đồ án tốt nghiệp	1								KHCB	KTKK	4060437		1	
61	4060425	Xử lý và cấp nước + BTL	3								KHCB	KTKK				Bổ
62	4040612	Địa chất thủy văn Việt Nam	2								KHCB	KTKK				Bổ
III.1.3	khảo sát công trình và thăm dò khoáng sản		13													Bổ hướng chuyên sâu
63	4040207	Địa chất mỏ	2								KHCB	KTKK	4040207		2	Bổ hướng chuyên sâu
64	4060429	Đồ án tốt nghiệp	1								KHCB	KTKK	4060429		1	

65	4060422	Khoan thăm dò khoáng sản	4								KKT	4060422	Khoan thăm dò khoáng sản rắn	4	
66	4060430	Năng cao tỷ lệ mẫu khoan	2								KKT	4060430	Năng cao tỷ lệ mẫu khoan	2	
67	4060423	Khoan khai thác kim loại và gang thép	2								KKT	4060423	Khoan khai thác Crôm và gang thép	2	
68	4060418	Phức tạp và sự cố trong khoan	2								KKT				
III.2	Kiến thức chuyên ngành chọn theo		8									Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa	8		Chuyên sang phần kiến thức chuyên ngành chọn theo
75	4060202	Phần tích bề trầm tích	2												
76	4060219	Các phương pháp tìm kiếm	2									4060219	Các phương pháp tìm kiếm kim loại	2	Bỏ
77	4060216	An toàn lao động và BVMT	2												Bỏ
78	4060205	Địa hoá dầu khí	3												Bỏ
79	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2									4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2	
80	4060211	Thủy động lực mô dầu khí	2									4060211	Thủy động lực mô dầu khí	2	
81	4060206	Địa chất thủy văn mô dầu khí	2									4060206	Địa chất thủy văn mô dầu khí	2	
82	4060217	Quản lý phát triển mô dầu khí	2									4060217	Quản lý phát triển mô dầu khí	2	
83	4060209	Địa chất dầu khí Việt Nam và thế giới	2												Bỏ
84	4060133	Thăng trầm chuyên ngành địa chất	3												Bỏ
85	4060132	Vật lý ứng dụng trong địa chất	3												Bỏ
86	4060124	Địa nhiệt	2									4060124	Địa nhiệt	2	
87	4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí	2												Bỏ
89	4060403	Khoan - khai thác đại cương	2									4060403	Khoan - khai thác đại cương	2	Bỏ
90	4060412	Thủ gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	2									4060412	Thủ gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	2	
91	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2									4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2	
92	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2									4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2	
93	4060418	Phức tạp và sự cố trong khoan	2									4060418	Phức tạp và sự cố trong khoan	2	
94	4060419	Kỹ thuật khai thác kim loại	2									4060419	Kỹ thuật khai thác kim loại	2	
95	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	2									4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	2	
96	4060423	Khoan khai thác Crôm và gang thép	2												Bỏ
97	4060428	Kỹ thuật bảo vệ tạo tầng và vận chuyển chất lưu	2									4060428	Kỹ thuật bảo vệ tạo tầng và vận chuyển chất lưu	2	
98	4060430	Năng cao tỷ lệ mẫu khoan	2												Bỏ
99	4060426	Khoan thăm dò - Khảo sát	2												Bỏ
100	4060431	Điều khiển giếng dầu khí	2									4060431	Điều khiển giếng dầu khí	2	
101	4060435	Kỹ thuật khai thác mô dầu khí	2									4060435	Kỹ thuật khai thác mô dầu khí	2	
102	4060441	Hoàn thiện giếng dầu khí	2									4060441	Hoàn thiện giếng dầu khí	2	
103	4060338	Hóa học dầu mỏ	2												Bỏ
104	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2												Bỏ
105	4060513	Thiết bị khai thác dầu khí 2	2									4060513	Thiết bị khai thác dầu khí 2	2	
106	4060512	Thiết bị khoan dầu khí 2	2									4060512	Thiết bị khoan dầu khí 2	2	
107	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật	3												Bỏ
108	4010203	Vật lý đại cương A3	2												Bỏ
III.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo		8									Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường	8		

[illegible]

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-MĐC ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

Ngành đào tạo:	Kỹ thuật dầu khí	Mã số: 520604
Chuyên ngành đào tạo:	Khoan thăm dò - khảo sát	Mã số: 52060402
Trình độ đào tạo:	Đại học	
Loại hình đào tạo:	Chính quy tập trung	
Bộ môn chủ quản đào tạo:	Khoan - Khai thác	

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình là đào tạo cán bộ kỹ thuật ngành Khoan thăm dò – Khảo sát để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Đào tạo những kỹ sư có bản lĩnh chính trị, tác phong đạo đức, trình độ học vấn, chuyên môn và đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của ngành khoan thăm dò khoáng sản, khoan khảo sát địa chất. Ngoài ra, kỹ sư chuyên ngành này còn được trang bị kiến thức và kỹ năng về nghề nghiệp, ngoại ngữ, phương pháp làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày và giao tiếp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Nắm vững và có khả năng áp dụng được các kiến thức đại cương về toán học và khoa học tự nhiên, tạo tiền đề cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục cơ sở ngành. Nắm vững, có khả năng áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành như địa chất, cơ khí,... cho việc học tập và nghiên cứu chuyên ngành. Kỹ sư Khoan thăm dò – Khảo sát có khả năng tham gia các nhóm nghiên cứu, thí nghiệm, lập chương trình và tham gia thi công tối thiểu một công đoạn trong các lĩnh vực: Khoan thăm dò khoáng sản rắn; Khoan khai thác nước ngầm; Khoan thăm dò dầu khí... Khoan khảo sát phục vụ thiết kế nền móng và khoan các giếng kỹ thuật. Kỹ sư Khoan thăm dò – Khảo sát có khả năng tiếp cận và sử dụng các phần mềm chuyên ngành như thiết kế giếng, dòng chảy, mô hình hóa mô, mô phỏng khai thác, phát triển mô, mô phỏng vận chuyển.

Kỹ năng:

- **Kỹ năng cứng:** Biết cách vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết vào thực tế sản xuất. Nhanh chóng làm quen và sử dụng thành thạo các thiết bị công nghệ ngoài thực tế, các công nghệ kỹ thuật mới; Chuyển đổi linh hoạt giữa các hệ đơn vị đo lường; Có khả năng tiếp cận và sử dụng các phần mềm chuyên ngành... Có kỹ năng về cơ khí chế tạo, sửa chữa thiết bị và dụng cụ khoan, khai thác; Nắm vững và thực hiện các qui chế, luật và các qui định bảo vệ tài nguyên, môi trường...;

- **Kỹ năng mềm:** Có khả năng đọc dịch các tài liệu khoa học chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài, đặc biệt là tiếng Anh; Biết cập nhật, tích lũy kiến thức qua các phương tiện thông tin, các tổ chức nghề trong nước và quốc tế; Ứng dụng các kiến thức cập nhật cho công việc đang đảm nhiệm, nhanh chóng thích ứng với những điều kiện làm việc mới; Làm việc theo nhóm: đảm nhận và hoàn thành tốt mọi vai trò và vị trí trong nhóm; Giao tiếp: biết tiếp thu, trình bày, tạo mối quan hệ tốt với đồng nghiệp không những trong công việc mà cả trong cuộc sống.

Thái độ: Hiểu biết và luôn chấp hành đường lối, chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Luôn có ý thức chấp hành các qui định, nội qui nơi cơ quan công tác. Có tinh thần kỷ luật cao, có ý thức trách nhiệm và tác phong công nghiệp trong hoạt động nghề và nghiên cứu khoa học. Có phẩm chất đạo đức tốt, luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn..

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận công việc chuyên môn tại các cơ quan nghiên cứu, các công ty trong và ngoài nước hoạt động trong các lĩnh vực dầu khí, địa chất, xây dựng... và một số lĩnh vực khác của nền kinh tế quốc dân. Làm công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy tại các trường đại học, các viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo chuyên ngành.

Trình độ ngoại ngữ: Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc và giao tiếp.

Trình độ tin học: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tư duy logic tốt, có năng lực sáng tạo để giải quyết các bài toán ứng dụng cụ thể trong lĩnh vực Công nghệ thông tin nói chung và Khoa học máy tính nói riêng; có khả năng tự học và tự đào tạo để đáp ứng với các yêu cầu thay đổi của xã hội và công việc.

2. Thời gian đào tạo:	5 năm
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ):	162
4. Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy định của BGD&ĐT
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	

5.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” (Ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào

tạo; Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH, ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mô-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ điều kiện như quy định tại Điều 27 của quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT và Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp, cụ thể:

- Đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số học phần theo chương trình đào tạo. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa phải đạt từ 2,00 trở lên.

- Các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng đạt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học.

6. Thang điểm

Theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH của Trường Đại học Mô-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình: **162 TC**

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: **53 TC**

- Kiến thức bắt buộc: 47 TC

- Kiến thức tự chọn: 6 TC

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **109 TC**

- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 30 TC

- Kiến thức chuyên ngành: 65 TC

- Thực tập sản xuất và tốt nghiệp: 7 TC

- Đồ án tốt nghiệp: 7 TC

8. Nội dung kiến thức đào tạo

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Bộ môn phụ trách
I	Kiến thức giáo dục đại cương		53	
I.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		47	
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1	2	Những NLCB của CN Mác - Lê Nin
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 2	3	Những NLCB của CN Mác - Lê Nin
3	4020301	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	4010601	Tiếng Anh 1	3	Ngoại ngữ
6	4010602	Tiếng Anh 1	3	Ngoại ngữ
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	Giáo dục thể chất
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	Giáo dục thể chất
12	4300101	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	1	Giáo dục thể chất
13	4010101	Đại số	3	Toán
14	4010102	Giải tích 1	4	Toán
15	4010103	Giải tích 2	3	Toán
16	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	Vật lý
17	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	Vật lý
18	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3	Hoá
19	4020103	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật
20	4010401	Hình học họa hình	2	Hình hoạ

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Bộ môn phụ trách
21	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	Hình hoạ
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (chọn 6 TC)		6	
22	4010106	Phương pháp tính	2	Toán
23	4010105	Phương trình toán lý	3	Toán
24	4010110	Toán tối ưu	2	Toán
25	4010112	Lý thuyết đồ thị	2	Toán
26	4010105	Xác suất thống kê	2	Toán
27	4080201	Tin học đại cương (dùng cho Kỹ thuật)	3	THCB
II	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		30	
28	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	Khoan - Khai thác
29	4040102	Địa chất cơ sở	2	Địa chất
30	4010501	Cơ học lý thuyết I	2	Cơ lý thuyết
31	4030505	Sức bền vật liệu C	2	Sức bền vật liệu
32	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2	Kỹ thuật cơ khí
33	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3	Kỹ thuật điện - điện tử
34	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2	Kỹ thuật cơ khí
35	4060142	Địa vật lý đại cương	2	Địa vật lý
36	4090419	Công nghệ vật liệu	2	Kỹ thuật cơ khí
37	4040114	Thực tập địa chất đại cương (cơ sở)	1	Địa chất
38	4060143	Thực tập địa vật lý đại cương	1	Địa vật lý
39	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3	Hoá
40	4090421	Nguyên lý máy	2	Kỹ thuật cơ khí
41	4060401	Nguyên lý phá hủy	2	Khoan - Khai thác
42	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2	Khoan - Khai thác
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		65	
III.1	Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc		49	
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		14	
43	4040517	Cơ sở Địa chất công trình- Địa chất thủy văn	3	Địa chất công trình
44	4040212	Các PP tìm kiếm thăm dò và đánh giá mỏ	2	Tìm kiếm thăm dò
45	4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	2	Địa chất
46	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	3	Máy và thiết bị mỏ
47	4060427	Thực tập giáo học khoan	2	Khoan - Khai thác
48	4060122	Địa vật lý giếng khoan khoáng sản và môi trường	2	Địa vật lý
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành		34	
49	4060416	Tiếng anh chuyên ngành	3	Khoan - Khai thác
50	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	2	Khoan - Khai thác
51	4060406	Dung dịch khoan và vữa trám + TN	4	Khoan - Khai thác
52	4060509	Thiết bị khoan thăm dò khảo sát	3	Thiết bị dầu khí và công trình
53	4060528	Đồ án thiết bị khoan thăm dò khảo sát	1	Thiết bị dầu khí và công trình
54	4060409	Khoan định hướng	2	Khoan - Khai thác
55	4040638	Động lực học nước dưới đất	2	Địa chất thủy văn
56	4040621	Các PP Đtra ĐCTV và NC đ.thái, cân bằng nước DD	2	Địa chất thủy văn
57	4060424	Khoan thăm dò và khai thác nước	3	Khoan - Khai thác

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Bộ môn phụ trách
58	4060437	Đồ án Khoan thăm dò và Khai thác nước	1	Khoan - Khai thác
59	4040207	Địa chất mỏ	2	Địa chất
60	4060429	Đồ án Khoan thăm dò khoáng sản rắn	1	Khoan - Khai thác
61	4060422	Khoan thăm dò khoáng sản rắn	4	Khoan - Khai thác
62	4060430	Nâng cao tỷ lệ mẫu khoan	2	Khoan - Khai thác
63	4060423	Khoan khảo sát Ctrình và giếng K thuật	2	Khoan - Khai thác
III.2	Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa (SV chọn 8 TC)		8	
64	4060219	Các phương pháp tìm kiếm thăm dò dầu khí	2	Địa chất dầu khí
65	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2	Khoan - Khai thác
66	4060211	Thủy động lực mô dầu khí	2	Địa chất dầu khí
67	4060206	Địa chất thủy văn mô dầu khí	2	Địa chất dầu khí
68	4060217	Quản lý phát triển mô dầu khí	2	Địa chất dầu khí
69	4060124	Địa nhiệt	2	Địa vật lý
70	4060403	Khoan - khai thác đại cương	2	Khoan - Khai thác
71	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	2	Khoan - Khai thác
72	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2	Khoan - Khai thác
73	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2	Khoan - Khai thác
74	4060418	Phức tạp và sự cố trong khoan	2	Khoan - Khai thác
75	4060419	Kỹ thuật khai thác khí thiên nhiên	2	Khoan - Khai thác
76	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	2	Khoan - Khai thác
77	4060428	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường	2	Khoan - Khai thác
78	4060431	Điều khiển giếng dầu khí	2	Khoan - Khai thác
79	4060435	Kỹ thuật khai thác mỏ dầu khí	2	Khoan - Khai thác
80	4060441	Hoàn thiện giếng dầu khí	2	Khoan - Khai thác
81	4060513	Thiết bị khai thác dầu khí 2	2	Thiết bị dầu khí và CT
82	4060512	Thiết bị khoan dầu khí 2	2	Thiết bị dầu khí và CT
III.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường (SV chọn 8 TC)		8	
83	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính *	2	
84	4000002	Tâm lý học đại cương *	2	
85	4000003	Tiếng Việt thực hành *	2	
86	4000004	Cơ sở văn hóa Việt Nam *	2	
87	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	
88	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2	
89	4010403	Autocad	1	Hình hoạ
90	4010603	Tiếng Anh 3	2	Ngoại ngữ
91	4010604	Tiếng Anh 4	2	Ngoại ngữ
92	4020104	Lịch sử Triết học	2	Những NLCB của CN Mác - Lê Nin
93	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	Khai thác lộ thiên
94	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	Khai thác hầm lò
95	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	Tuyển khoáng
96	4040101	Địa chất đại cương	3	Địa chất
97	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	Địa chất
98	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	Đo ảnh viễn thám
99	4050302	Cơ sở viễn thám	2	Đo ảnh viễn thám

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Bộ môn phụ trách
100	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	Trắc địa mô
101	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2	Trắc địa mô
102	4050526	Trắc địa đại cương	2	Trắc địa phổ thông và sai số
103	4050616	Quản lý bất động sản	2	Địa chính
104	4050649	Quy hoạch vùng	3	Địa chính
105	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2	Địa chính
106	4050653	Quản lý đất đô thị	2	Địa chính
107	4070304	Kinh tế và QTDN	3	Kinh tế Địa chất - Dầu khí
108	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	Kinh tế Địa chất - Dầu khí
109	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2	Kinh tế Địa chất - Dầu khí
110	4070401	Nguyên lý kế toán	3	Kế toán
111	4080153	Thiết kế website	2	Công nghệ phần mềm
112	4080309	Mã nguồn mở trong chuyên ngành	2	Tin học trắc địa
113	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	Tin học trắc địa
114	4090301	Kỹ thuật điện + TN	3	Kỹ thuật điện - điện tử
115	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mô	2	Xây dựng công trình ngầm và mô
116	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	Môi trường cơ sở
117	4110236	Môi trường và con người	2	Địa sinh thái và công nghệ môi trường
III.4	Thực tập tốt nghiệp		7	
118	4060432	Thực tập sản xuất	3	Khoan - Khai thác
119	4060433	Thực tập tốt nghiệp	4	Khoan - Khai thác
III.5	Đồ án tốt nghiệp		7	
120	4060434	Đồ án tốt nghiệp	7	Khoan - Khai thác

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bộ môn quản lý
I	Kiến thức giáo dục đại cương		52	
I.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		46	
1	4020101	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1	2	Nguyên lý CN Mác - Lê-nin
2	4020102	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 2	3	Nguyên lý CN Mác - Lê-nin
3	4020301	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3	Đường lối CM của ĐCSVN
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng HCM
5	4010601	Tiếng Anh HW 1a	3	Ngoại ngữ
6	4010602	Tiếng Anh HW 2a	3	Ngoại ngữ
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	Giáo dục thể chất
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	Giáo dục thể chất
12	4300101	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	1	Giáo dục quốc phòng
13	4010101	Đại số	3	Toán
14	4010102	Giải tích 1	4	Toán
15	4010103	Giải tích 2	3	Toán

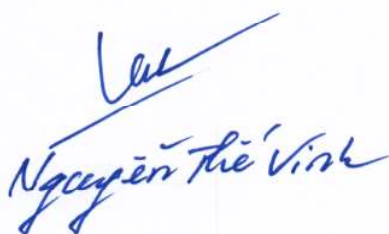
TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bộ môn quản lý
16	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	Vật lý
17	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	Vật lý
18	4010301	Hóa học đại cương I + TN	3	Hóa
19	4080201	Tin học đại cương (dùng cho kỹ thuật)	3	Tin học đại cương
20	4020103	Pháp luật đại cương	2	Nguyên lý CN Mác – Lê-nin
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (chọn 6 TC)		6	
21	4010106	Phương pháp tính	2	Toán
22	4010105	Phương trình toán lý	3	Toán
23	4010110	Toán tối ưu	2	Toán
24	4010112	Lý thuyết đồ thị	2	Toán
25	4010105	Xác suất thống kê	2	Toán
II	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		30	
26	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	Khoan - Khai thác
27	4040102	Địa chất cơ sở	2	Địa chất
28	4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	2	Địa chất
29	4050526	Trắc địa phổ thông	2	Trắc địa mô
30	4010401	Hình học họa hình	2	Hình họa
31	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	Hình họa
32	4010501	Cơ học lý thuyết I	2	Cơ lý thuyết
33	4030505	Sức bền vật liệu C	2	Sức bền vật liệu
34	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2	Kỹ thuật cơ khí
35	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3	Kỹ thuật điện- Điện tử
36	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2	Kỹ thuật cơ khí
37	4060101	Địa vật lý đại cương	2	Địa vật lý
38	4090419	Công nghệ vật liệu	2	Kỹ thuật cơ khí
39	4040114	Thực tập địa chất đại cương (cơ sở)	1	Địa chất
40	4050527	Thực tập trắc địa phổ thông	1	Trắc địa mô
41	4060143	Thực tập địa vật lý đại cương	1	Địa vật lý
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		79	
III.1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		49	
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		13	
42	4040517	Cơ sở Địa chất công trình- Địa chất thủy văn	3	Địa chất công trình
43	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3	Hóa
44	4090421	Nguyên lý máy	2	Kỹ thuật cơ khí
45	4090406	Cơ sở thiết kế máy	3	Kỹ thuật cơ khí
46	4040212	Các PP tìm kiếm thăm dò và đánh giá mỏ	2	Tìm kiếm thăm dò
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành		23	
47	4060401	Nguyên lý phá hủy	2	Khoan – Khai thác
48	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2	Khoan – Khai thác
49	4060416	Tiếng anh chuyên ngành	3	Khoan - Khai thác
50	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	2	Khoan - Khai thác
51	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2	Khoan – Khai thác
52	4060427	Thực tập giáo học khoan	2	Khoan – Khai thác
53	4060406	Dung dịch khoan và vữa trám + TN	4	Khoan – Khai thác
54	4060509	Thiết bị khoan thăm dò khảo sát	3	Thiết bị Dầu khí & CT
55	4060528	Đồ án thiết bị khoan thăm dò khảo sát	1	Thiết bị Dầu khí & CT
56	4060409	Khoan định hướng	2	Khoan – Khai thác
III.1.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo hướng chuyên sâu		13	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bộ môn quản lý
		(Sinh viên chọn 1 trong 2 hướng chuyên sâu)		
III.1.3.1		Hướng chuyên sâu (DKKT1): Khoan khai thác nước ngầm	13	
57	4040638	Động lực học nước dưới đất	2	Địa chất thủy văn
58	4040621	Các PP Đtra ĐCTV và NC d.thải, cân bằng nước ĐĐ	2	Địa chất thủy văn
59	4060424	Khoan thăm dò và khai thác nước	3	Khoan – Khai thác
60	4060437	Đồ án Khoan thăm dò và Khai thác nước	1	Khoan – Khai thác
61	4060425	Xử lý và cấp nước + BTL	3	Khoan – Khai thác
62	4040612	Địa chất thủy văn Việt Nam	2	Địa chất thủy văn
III.1.3.2		Hướng chuyên sâu (DKKT 2): Khoan khảo sát công trình và thăm dò khoáng sản	13	
63	4040207	Địa chất mỏ	2	Tìm kiếm thăm dò
64	4060429	Đồ án Khoan thăm dò khoáng sản rắn	1	Khoan – Khai thác
65	4060422	Khoan thăm dò khoáng sản rắn	4	Khoan – Khai thác
66	4060430	Nâng cao tỷ lệ mẫu khoan	2	Khoan – Khai thác
67	4060423	Khoan khảo sát Ctrình và giếng K thuật	2	Khoan – Khai thác
68	4060418	Phức tạp và sự cố trong khoan	2	Khoan – Khai thác
III.2		Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa (SV chọn 8 TC)	8	
75	4060202	Phân tích bề trầm tích	2	Địa chất dầu khí
76	4060219	Các phương pháp tìm kiếm thăm dò dầu khí	2	Địa chất dầu khí
77	4060216	An toàn lao động và BVMT	2	Địa chất dầu khí
78	4060205	Địa hoá dầu khí	3	Địa chất dầu khí
79	4060410	Vật lý vỉa dầu khí B	2	Địa chất dầu khí
80	4060211	Thủy động lực mô dầu khí	2	Địa chất dầu khí
81	4060206	Địa chất thủy văn mô dầu khí	2	Địa chất dầu khí
82	4060217	Quản lý phát triển mô dầu khí	2	Địa chất dầu khí
83	4060209	Địa chất dầu khí Việt Nam và thế giới	2	Địa chất dầu khí
84	4060133	Tiếng Anh chuyên ngành Địa vật lý	3	Địa vật lý
85	4060132	Tin học ứng dụng trong Địa vật lý	3	Địa vật lý
86	4060124	Địa nhiệt	2	Địa vật lý
87	4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí	2	Địa vật lý
88	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2	Khoan – Khai thác
89	4060403	Khoan - khai thác đại cương	2	Khoan – Khai thác
90	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	2	Khoan – Khai thác
91	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2	Khoan – Khai thác
92	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2	Khoan – Khai thác
93	4060418	Phức tạp và sự cố trong Khoan	2	Khoan – Khai thác
94	4060419	Kỹ thuật khai thác khí thiên nhiên	2	Khoan – Khai thác
95	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	2	Khoan – Khai thác
96	4060423	Khoan khảo sát Ctrình và giếng K thuật	2	Khoan – Khai thác
97	4060428	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ Mtrường	2	Khoan – Khai thác
98	4060430	Nâng cao tỷ lệ mẫu khoan	2	Khoan – Khai thác
99	4060426	Khoan thăm dò - Khảo sát	2	Khoan – Khai thác
100	4060431	Điều khiển giếng dầu khí	2	Khoan – Khai thác
101	4060435	Kỹ thuật khai thác mô dầu khí	2	Khoan – Khai thác
102	4060441	Hoàn thiện giếng dầu khí	2	Khoan – Khai thác
103	4060338	Hóa học dầu mỏ	2	Lọc – Hóa dầu
104	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2	Lọc – Hóa dầu

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bộ môn quản lý
	4060509	Thiết bị khoan thăm dò khảo sát + ĐA	4	Thiết bị Dầu khí & CT
105	4060513	Thiết bị khai thác dầu khí 2	2	Thiết bị Dầu khí & CT
106	4060512	Thiết bị khoan dầu khí 2	2	Thiết bị Dầu khí & CT
107	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật	3	Hình họa
108	4010203	Vật lý đại cương A3	2	Vật lý
III.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường (SV chọn 8 TC)		8	
109	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính *	2	
110	4000002	Tâm lý học đại cương *	2	
111	4000003	Tiếng Việt thực hành *	2	
112	4000004	Cơ sở văn hóa Việt Nam *	2	
113	4010403	Autocad	1	Vẽ kỹ thuật
114	4010603	Tiếng Anh 3	2	Ngoại ngữ
115	4010604	Tiếng Anh 4	2	Ngoại ngữ
116	4010605	Tiếng Nga 1	2	Ngoại ngữ
117	4010606	Tiếng Nga 2	2	Ngoại ngữ
118	4010607	Tiếng Trung 1	2	Ngoại ngữ
119	4010608	Tiếng Trung 2	2	Ngoại ngữ
120	4020103	Pháp luật đại cương	2	Nguyên lý CN Mác – Lê-nin
121	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	Khai thác lộ thiên
122	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	Khai thác hầm lò
123	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	Tuyển khoáng
124	4040101	Địa chất đại cương	3	Địa chất
125	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	Địa chất
126	4040517	Cơ sở địa chất công trình - ĐCTV	3	Địa chất thủy văn
127	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)	3	Trắc địa cao cấp
128	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	Đo ảnh và viễn thám
129	4050302	Cơ sở viễn thám	2	Trắc địa cao cấp
130	4050510	Trắc địa phổ thông + TT	3	Trắc địa phổ thông và sai số
131	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	Trắc địa mỏ
132	4060101	Địa vật lý đại cương + TT	3	Địa vật lý
133	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2	Lọc – Hóa dầu
134	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	Khoan – Khai thác
135	4070304	Kinh tế và QTDN	3	Kinh tế và QTDN DK-ĐC
136	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	Kinh tế và QTDN DK-ĐC
137	4070401	Nguyên lý kế toán	3	Kế toán
138	4080309	Mã nguồn mở trong chuyên ngành	2	Tin học trắc địa
139	4090301	Kỹ thuật điện + TN	3	Kỹ thuật điện – điện tử
140	4080153	Thiết kế website	2	Công nghệ phần mềm
III.4	Thực tập nghề nghiệp		7	
141	4060432	Thực tập sản xuất	3	Khoan – Khai thác
142	4060433	Thực tập tốt nghiệp	4	Khoan – Khai thác
III.5	Đồ án tốt nghiệp		7	
143	4060434	Đồ án tốt nghiệp	7	Khoan – Khai thác
Tổng cộng			161	

KHOA DẦU KHÍ

TRƯỞNG BỘ MÔN


Nguyễn Thị Vinh



Số 1264/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Thiết bị dầu khí - Mã số: 752060403
(ngành Kỹ thuật dầu khí - Mã số: 7520604)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 08/MĐC-DK-TBĐK ngày 20/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Dầu khí về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường khoa Dầu khí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận: *12/3*

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTĐH (09)



PGS.TS Lê Hải An



DANH SÁCH
TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI
TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA

*(Kèm theo Quyết định số 1264/QĐ-MĐC ngày 22 tháng 3 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

- | | | |
|----|--------------------------|--|
| 1. | TS. Lê Đức Vinh | Trưởng bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, Tổ trưởng. |
| 2. | ThS. Vũ Cúc Phương | Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, Thư ký |
| 3. | TS. Nguyễn Văn Thịnh | Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, Thành viên |
| 4. | PGS.TS Triệu Hùng Trường | Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, Thành viên |
| 5. | TS. Hoàng Anh Dũng | Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, Thành viên |
| 6. | GVC.TS Nguyễn Văn Giáp | Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, Thành viên |
| 7. | ThS. Nguyễn Thanh Tuấn | Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, Thành viên |
| 8. | ThS. Trần Thiện Căn | Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, Thành viên |

Tổng số: 08 cán bộ./.